

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HS-ST.
Ngày 20/02/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phúc Đức, nghề nghiệp: Giáo viên; chức vụ: Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở thị trấn Cầu Ngang.

- Ông Nguyễn Tấn Sĩ, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí huyện Cầu Ngang.

Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2025/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với:

Bị cáo Nguyễn Quang V, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1988, nơi sinh tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Số C, Thống nhất, Tổ D, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1954 và bà Trần Thị S, sinh năm 1964; vợ, con chưa có; anh, chị, em ruột gồm có 04 người (kể cả bị cáo), lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang V: Luật sư Đặng Văn C – Văn phòng Luật sư Đặng Văn C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số B, đường N, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị hại: Bùi Hạ V1, sinh ngày 07/4/2021. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Bùi Thị Lan N, sinh ngày 20/01/1998. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Huỳnh Thiên S1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1978. Có mặt.
- Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1977. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Nguyễn Thị Thảo N1, sinh ngày 13/8/1984. Địa chỉ: Số F, V, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Trần Quang T3, sinh ngày 08/5/1997. Địa chỉ: Số B, Nguyễn Công T4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Chị Trần Thị Thanh Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Anh Trần Bảo Đ1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, không có lý do.

- Anh Bùi Văn D, sinh năm 2004. Có mặt.

- Anh Trần Văn T5, sinh ngày 03/8/1995. Có mặt.

- Chị Phạm Thanh B, sinh năm 2000. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2020, bị cáo Nguyễn Quang V quen biết và nảy sinh tình cảm với chị Bùi Thị Lan N, sinh năm 1998, ngụ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau đó, bị cáo V và chị N chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) tại phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng giữa năm 2020, bị cáo và chị N không sống chung với nhau, đồng thời chị N có quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, sau đó chị N phát hiện mình có thai nhưng không xác định được là con chung với ai, đến ngày 07/4/2021, chị N sinh một bé gái tại Bệnh viện T6, thành phố Hồ Chí Minh và đặt tên cho con là Bùi Hạ V1, khi khai sinh chỉ khai họ tên mẹ là Bùi Thị Lan N, không có ghi họ tên cha. Sau khi sinh cháu V1, bị cáo có rước chị N và cháu V1 về nhà bị cáo tại thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc khoảng 01 tháng, trong thời gian này bị cáo và chị N phát sinh mâu thuẫn nên chị N cùng cháu V1 về nhà cha mẹ ruột là ông Bùi Văn T2, bà Trần Thị Thanh T1, địa chỉ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1. Khi cháu V1 được

08 tháng tuổi, chị N giao cháu V1 cho ông T2, bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, còn chị N đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê gửi tiền về nuôi cháu V1, mỗi tuần chị N đều về thăm con, còn bị cáo thì không trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1, nhưng khi đến ngày lễ, tết bị cáo cũng đến thăm cháu V1, vì bị cáo cho rằng V1 là con ruột của bị cáo.

Đến ngày 07/4/2024, chị N cùng người thân tổ chức sinh nhật 03 tuổi cho cháu V1 tại nhà thuộc ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo cùng bạn của bị cáo tên Phan Văn H, Phạm Văn N2, Lý Quốc C1... tự đến nhà cha mẹ của N để tham dự tiệc sinh nhật, đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bạn của bị cáo ra về, còn bị cáo ở lại tại nhà ông T2, bà T1.

Ngày 08/4/2024, chị N đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc, còn bị cáo ở lại nhà của ông T2, bà T1 chơi với cháu V1, trong thời gian này bị cáo hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 84E1-163.21 của ông T2 để làm phương tiện đi lại và chở cháu V1 đi chơi. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/4/2024, trong lúc này chị N đang ở thành phố Hồ Chí Minh, còn ông T2, bà T1 cùng con ruột tên Bùi Văn D bận tưới bí tại mảnh ruộng phía sau nhà, chỉ còn bị cáo và cháu V1 ở trong nhà, lợi dụng thời điểm này không có người thân trông coi cháu V1, bị cáo muốn chiếm giữ cháu V1 để chăm sóc, nuôi dưỡng nên điều khiển xe mô tô biển số 84E1-163.21 chở cháu V1 đến siêu thị C2, bị cáo gửi xe mô tô tại đây, cho cháu V1 vui chơi một lúc, sau đó bị cáo thuê xe ô tô của Công ty M do anh Trần Bảo Đ1 điều khiển chở bị cáo và cháu V1 đi đến thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bị cáo tiếp tục đưa cháu V1 đi đến thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đến ngày 13/4/2024, bị cáo nhắn tin cho bà T1 biết là xe mô tô biển số 84E1-163.21 bị cáo gửi tại siêu thị C2, kêu bà T1 đến lấy xe về, còn cháu V1 bị cáo chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau đó, bị cáo tắt điện thoại, khóa các tài khoản mạng xã hội không liên lạc với gia đình chị N và người thân bị cáo, mục đích là để chị N và người thân cháu V1 không liên lạc được, tránh sự phát hiện người thân của cháu V1 và Cơ quan chức năng, bởi vì bị cáo chiếm giữ cháu V1 đưa đi không được sự đồng ý của mẹ cháu V1 là chị N cùng ông T2, bà T1 là người trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1. Đến đầu tháng 8 năm 2024, bị cáo đưa cháu V1 đến nhà anh họ của bị cáo tên Trần Quang T3, địa chỉ số B, Nguyễn Công T4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai để sinh sống.

Về phía chị N (mẹ của V1) cùng ông T2, bà T1 (ông bà ngoại của V1) sau khi phát hiện bị cáo chiếm giữ cháu V1 đưa đi khỏi nơi cư trú, đã nhiều lần điện thoại liên lạc với bị cáo nhưng không liên lạc được đồng thời có đi tìm cháu V1 và bị cáo nhiều nơi cũng không tìm được. Ngày 16/4/2024 chị N làm đơn tố giác bị cáo Nguyễn Quang V có hành vi chiếm đoạt cháu Bùi Hạ V1 gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, yêu cầu điều tra xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành kiểm tra, xác minh vụ việc. Đồng thời, ra quyết định truy tìm bị cáo Nguyễn Quang V và bị hại Bùi Hạ V1.

Ngày 15/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi. Sau đó, khởi tố bị cáo Nguyễn Quang V và ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam.

Ngày 30/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã truy tìm được bị cáo Nguyễn Quang V và bị hại Bùi Hạ V1 tại số B, đường N, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai và thi hành lệnh bắt bị cáo để tạm giam, đồng thời quản lý bị hại Bùi Hạ V1, tại thời điểm quản lý tình trạng sức khỏe, tinh thần của cháu V1 vẫn ổn định, không có thương tích gì trên cơ thể. Sau đó, tiến hành trao trả cháu V1 cho mẹ ruột là chị Bùi Thị Lan N nhận để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại Kết luận giám định AND số 565/24/KLGĐADN-PYQG ngày 15/10/2024 của V3 – Bộ Y kết luận: Nguyễn Quang V có quan hệ huyết thống cha – con với Bùi Hạ V2, độ tin cậy 99,9999%. Bút lục số: 124 -133.

Đối với anh Trần Quang T3: Khi bị cáo Nguyễn Quang V đưa cháu Bùi Hạ V1 đến ở tại nhà của anh thì anh T3 không biết bị cáo có hành vi chiếm đoạt người dưới 16 tuổi là cháu V1 nên không có hình thức xử lý.

Đối với anh Trần Bảo Đ1 là tài xế lái xe ô tô của Công ty M được bị cáo thuê chở bị cáo và cháu V1 đi từ thành phố T đến thành phố Hồ Chí Minh. Anh Đ1 không biết bị cáo có hành vi chiếm đoạt cháu V1, khi Cơ quan điều tra mời làm việc, anh Đ1 cung cấp nhiều thông tin quan trọng liên quan đến bị cáo và cháu V1, tạo thuận lợi cho quá trình điều tra xác minh nên không có hình thức xử lý.

Trong thời gian bị cáo ở lại nhà ông T2, bà T1 có hỏi mượn xe mô tô biển số 84E1-163.21 của ông T2 để làm phương tiện đi lại, đến ngày 11/4/2024, bị cáo tiếp tục sử dụng xe mô tô này chở cháu V1 đến siêu thị C2 rồi gửi xe tại siêu thị, sau đó bị cáo nhắn tin kêu bà T1 đến nhận xe về, bị cáo không có ý định chiếm đoạt xe mô tô, sau đó, ông T2, bà T1 đã nhận lại xe mô tô. Hành vi này của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho bị hại Bùi Hạ V1 là chị Bùi Thị Lan N yêu cầu bị cáo Nguyễn Quang V bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo tác động nhờ chị ruột tên Nguyễn Thị Thảo N1 đã bồi thường đủ 20.000.000 đồng giao cho chị N xong. Chị N không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-HS, ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quang V về tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang V khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về bản Cáo trạng mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị Lan N trình bày: Cháu Bùi Hạ V1, sinh ngày 07/4/2021 là con của chị. Do công việc chị đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và giao cháu V1 cho ông T2, bà T1 (là ông bà ngoại của V1) ngụ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đến khoảng 09 giờ ngày 11/4/2024, lúc này chị đang ở thành phố Hồ Chí Minh, còn ông T2, bà T1 cùng con ruột tên Bùi Văn D bận tưới bí tại mảnh ruộng phía sau nhà, lợi dụng không có người thân trông coi cháu V1, bị cáo đã chiếm giữ cháu V1 rồi khỏi

nhà, không biết đi đâu, không liên lạc được. Khi hay tin chị cùng ông T2, bà T1 nhiều lần điện thoại liên lạc với bị cáo nhưng không được, đi tìm cháu V1 nhiều nơi cũng không tìm được. Ngày 16/4/2024 chị làm đơn tố giác bị cáo Nguyễn Quang V có hành vi chiếm đoạt cháu Bùi Hạ V1 yêu cầu điều tra xử lý theo quy định pháp luật. Hiện chị đã nhận cháu V1 do Công an giao, về trách nhiệm hình sự chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự chị đã nhận đủ 20.000.000 đồng tiền bồi thường tổn thất về tin thần do chị N1 bồi thường thay bị cáo, nay chị không yêu cầu gì thêm. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thảo N1 trình bày: Chị là chị ruột bị cáo, sau khi sự việc xảy ra bị cáo có tác động chị bồi thường cho bị hại nhận số tiền 20.000.000 đồng, nay chị đồng ý bồi thường số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải trả lại. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn B1 đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- *Về trách nhiệm hình sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi”. Căn cứ khoản 1 Điều 153; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Bùi Thị Lan N là người đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- *Luật sư Đặng Văn C trình bày lời bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất bản Cáo trạng số: 06/CT-VKS-HS, ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang truy tố bị cáo về tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Hình sự là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ khi dẫn cháu V1 rời khỏi sự quản lý của người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1 mà không được sự đồng ý của họ, bị cáo dẫn cháu V1 đi trong thời gian dài từ ngày 11/4/2024 đến 30/9/2024, tuy nhiên sau khi dẫn cháu V1 đi khỏi nơi cư trú, ngày 13/4/2024 bị cáo có nhắn tin cho bà T1 (bà ngoại cháu V1) biết, nên gia đình cháu V1 cũng an tâm phần nào. Xét về mục đích bị cáo tự xác định cháu V1 là con của bị cáo nên bị cáo mới chiếm đoạt cháu V1 để nuôi dưỡng, không có hành hạ, hay đánh đập, khi bắt bị cáo và quản lý cháu V1 sức khỏe vẫn đảm bảo. Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động người thân bồi thường khắc phục xong hậu quả, người thân bị cáo có công cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án thấp hơn khung hình truy tố và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự chị N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết, bị cáo nộp án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Quang V nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi dẫn cháu V1 rời khỏi gia đình ông T2, bà T1 nhưng không thông báo cho chị N (mẹ V1),

ông T2, bà T1 (ông bà ngoại cháu V1) là những người trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1 là vi phạm pháp luật. Bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quang V khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 09 giờ ngày 11/4/2024, tại ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, lợi dụng trong lúc bị hại cháu Bùi Hạ V1, sinh ngày 07/4/2021 là trẻ em vừa tròn 03 tuổi đang ở trong nhà một mình, không có người thân trông coi, bị cáo Nguyễn Quang V đã lén lút thực hiện hành vi chiếm giữ và đưa cháu Bùi Hạ V1 đi khỏi địa phương, nhưng không được sự đồng ý của chị Bùi Thị Lan N (mẹ ruột của V1), ông Bùi Văn T2 và bà Trần Thị Thanh T1 (là ông, bà ngoại của cháu V1) là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1. Mục đích bị cáo chiếm giữ cháu V1 là để chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Quang V đưa cháu V1 đến sinh sống tại địa chỉ số B, Nguyễn Công T4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đến ngày 30/9/2024, bị cáo Nguyễn Quang V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt tạm giam, quản lý cháu V1 trong tình trạng sức khỏe, tinh thần ổn định, không bị thương tích gì trên cơ thể và trao trả cho chị N nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Quang V thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt cháu Bùi Hạ V1, sinh ngày 07/4/2021, mục đích để nuôi dưỡng, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo có lỗi với gia đình bị hại khi dẫn cháu V1 rời khỏi nơi cư trú mà không được sự đồng ý của người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1.

Từ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng chung sống với mẹ ruột của bị hại, xâm phạm đến quyền được bảo vệ của trẻ em, bởi vì cháu Bùi Hạ V1, sinh ngày 07/4/2021, trong giấy khai sinh chỉ ghi họ tên mẹ Bùi Thị Lan N, còn họ tên cha bỏ trống, tính đến ngày 11/4/2024 cháu V1 mới 03 tuổi là quyền của trẻ em được sống cùng với mẹ, quyền được nhận sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ, ông bà ngoại được giao chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu V1 có cuộc sống ổn định về sức khỏe để phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, bị cáo cho rằng Bùi Hạ V1 là con của bị cáo xét về mặt pháp lý tại thời điểm ngày 11/4/2024 bị cáo chưa có chứng cứ gì để chứng minh. Khoảng 09 giờ ngày 11/4/2024, lợi dụng trong lúc cháu V1 không có người thân trông coi, bị cáo đã lén lút chiếm giữ cháu V1 rồi di chuyển rời khỏi nơi cư trú đến ngày 30/9/2024 Công an huyện C bắt được bị cáo và quản lý cháu V1 tại địa chỉ số B, Nguyễn Công T4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đã trả cháu V1 lại cho chị N mẹ ruột nuôi dưỡng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động chị ruột bồi thường khắc phục xong hậu quả; đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, người thân bị cáo có công cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức và biết được cháu Bùi Hạ V1 sinh ngày 07/4/2021 là trẻ em, cần có sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ hoặc ông T2, bà T1 (ông bà ngoại cháu V1) được chị N giao trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, bị cáo nhận thức và biết được hành vi tự ý chiếm đoạt cháu V1 rời khỏi nơi cư trú, không có sự đồng ý cho phép của người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1 là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện phạm tội đến cùng với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra tâm lý hoang mang lo sợ cho chị N, ông T2, bà T1 khi không tìm được cháu V1, lo sợ về sức khỏe, tính mạng do cháu V1 mới 03 tuổi phải sống xa người thân. Qua đó thể hiện bị cáo xem thường pháp luật cũng như sức khỏe của bị hại, gây ra dư luận không tốt trong đời sống xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Mặt khác trong thời gian từ ngày 11/4/2024 đến ngày 30/9/2024 khi Công an bắt bị cáo và quản lý cháu V1 trong tình trạng sức khỏe tinh thần ổn định, không bị thương tích gì trên cơ thể và đã trả cho chị N nuôi dưỡng. Tại Kết luận giám định AND số 565/24/KLGDADN-PYQG ngày 15/10/2024 của V3 – Bộ Y kết luận: Nguyễn Quang V có quan hệ huyết thống cha – con với Bùi Hạ V2, độ tin cậy 99,9999%. Từ đó xác định bị cáo là cha của cháu V2, bị cáo cũng có quyền chăm sóc nuôi dưỡng con được quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, tại phiên tòa chị N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã tác động chị ruột tên Nguyễn Thị Thảo N1 đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng khắc phục xong thiệt hại về mặt tinh thần. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù

nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị Lan N là người đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Quang V nộp 200.000 đồng.

[4]. Xét lời của Luật sư Đặng Văn C trình bày lời bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có căn cứ. Luật sư đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là không thể chấp nhận được. Bởi vì bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng của trẻ em được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra tâm lý hoang mang lo sợ cho chị N, ông T2, bà T1 khi không tìm được cháu V2, lo sợ về sức khỏe, tính mạng do cháu V2 mới 03 tuổi phải sống xa người thân, bị cáo chiếm đoạt cháu V2 từ ngày 11/4/2024 đến ngày 30/9/2024 Công an đã truy tìm bắt bị cáo, quản lý cháu V2 trả lại cho chị N mẹ ruột chăm sóc nuôi dưỡng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù để xử phạt bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét luận cứ của Luật sư Huỳnh Thiên S1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang V phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi”.

Căn cứ khoản 1 Điều 153; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Quang V nộp 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; các điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm